

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 301

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Sa Pa có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng VIII. B. Tháng X. C. Tháng XI. D. Tháng IX.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Đà Nẵng. B. Bảo Lộc. C. Buôn Ma Thuột. D. Nha Trang.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Hòa Bình. B. Phú Thọ. C. Lào Cai. D. Yên Bái.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Phan Thiết thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Ninh Thuận. B. Bình Định. C. Bình Thuận. D. Phú Yên.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc có ngành đóng tàu?

- A. Hưng Yên. B. Phúc Yên. C. Hạ Long. D. Bắc Ninh.

Câu 46: Chống bão ở nước ta phải luôn kết hợp với chống

- A. hạn hán. B. sương muối. C. động đất. D. ngập lụt.

Câu 47: Nước ta có vị trí ở

- A. bán cầu Nam. B. vùng ngoại chí tuyến. C. bán cầu Tây. D. vùng nội chí tuyến.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Chu Lai. B. Nghi Sơn. C. Vũng Áng. D. Hòn La.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Mã?

- A. Sông Cầu. B. Sông Chu. C. Sông Thương. D. Sông Đà.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Bến Tre. B. Sóc Trăng. C. Hậu Giang. D. Phú Yên.

Câu 51: Biện pháp hạn chế xói mòn đất ở đồi núi nước ta là

- A. bón phân thích hợp. B. đẩy mạnh thâm canh.
C. làm ruộng bậc thang. D. tiến hành tăng vụ.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cửa khẩu quốc tế Na Mèo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Nghệ An. B. Thanh Hóa. C. Quảng Bình. D. Hà Tĩnh.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 28 nối Gia Nghĩa với nơi nào sau đây?

- A. Phan Thiết. B. Đà Lạt. C. Buôn Ma Thuột. D. Đồng Xoài.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Kiều Liêu Ti. B. Phanxipăng. C. Pu Tha Ca. D. Tây Côn Lĩnh.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Nam nước ta?

- A. Có các cao nguyên badan xếp tầng. B. Có nhiều núi cao hàng đầu cả nước.
C. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam. D. Gồm nhiều dãy núi chạy song song.

Câu 56: Đặc điểm nguồn lao động nước ta hiện nay là

- A. số lượng không lớn. B. trình độ rất cao. C. chất lượng nâng lên. D. phân bố rất đều.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Phân bố đều khắp cả nước. B. Phát triển nhất ở Bắc Bộ.
C. Chỉ đầu tư du lịch sinh thái. D. Du khách ngày càng đông.

Câu 58: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	181,0	330,8	300,0
Dân số (triệu người)	264,0	15,9	31,6	105,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

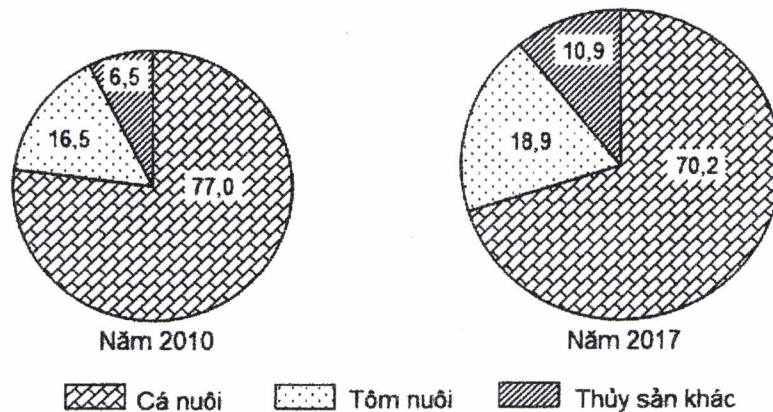
Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a. B. Phi-lip-pin cao hơn Cam-pu-chia.
C. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin. D. Ma-lai-xi-a cao hơn In-đô-nê-xi-a.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta?

- A. Được hình thành từ lâu đời. B. Tập trung các tiềm lực kinh tế.
C. Ranh giới có sự điều chỉnh. D. Hội tụ các thế mạnh phát triển.

Câu 60: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Tôm nuôi giảm, cá nuôi giảm. B. Thủy sản khác giảm, cá nuôi giảm.
C. Cá nuôi giảm, tôm nuôi tăng. D. Tôm nuôi tăng, thủy sản khác giảm.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông vận tải nước ta hiện nay?

- A. Có nhiều tuyến đường huyết mạch. B. Có nhiều đầu mối giao thông lớn.
C. Các loại hình vận tải rất đa dạng. D. Các ngành đều phát triển rất nhanh.

Câu 62: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á lục địa?

- A. Mưa lớn thường xuyên quanh năm. B. Nền nhiệt cao đều, không phân hóa.
C. Có khí hậu chủ yếu là cận xích đạo. D. Nhiệt đới ẩm gió mùa chiếm ưu thế.

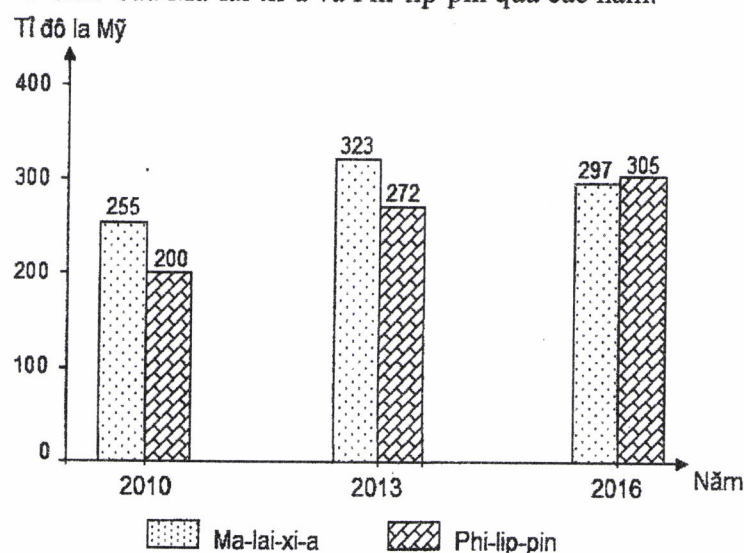
Câu 63: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi nước ta hiện nay?

- A. Cơ sở thức ăn đã đảm bảo hơn. B. Sản phẩm chủ yếu để xuất khẩu.
C. Dịch vụ thú y có nhiều tiến bộ. D. Sản xuất theo hướng hàng hóa.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân số nước ta hiện nay?

- A. Số lượng luôn cố định. B. Cơ cấu tuổi thay đổi.
C. Quy mô lớn. D. Nhiều dân tộc.

- Câu 65:** Gió phơn Tây Nam làm cho khí hậu vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ nước ta có
- A. mưa nhiều vào thu đông. B. lượng bức xạ mặt trời lớn.
C. thời tiết đầu hạ khô nóng. D. hai mùa khác nhau rõ rệt.
- Câu 66:** Biện pháp chủ yếu để công nghiệp nước ta thích nghi tốt với cơ chế thị trường là
- A. phát triển các ngành trọng điểm. B. xây dựng cơ cấu ngành linh hoạt.
C. đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị. D. hình thành các vùng công nghiệp.
- Câu 67:** Việc đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp của nước ta chủ yếu nhằm
- A. khai thác thế mạnh về tự nhiên. B. góp phần phát triển xuất khẩu.
C. tận dụng thế mạnh lao động. D. đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Câu 68:** Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là
- A. đẩy mạnh khâu chế biến và xuất khẩu nông sản.
B. ứng dụng công nghệ trồng mới, giảm sâu bệnh.
C. đảm bảo nguồn nước tưới, sử dụng giống mới.
D. mở rộng diện tích hợp lý đi đôi với bảo vệ rừng.
- Câu 69:** Cho biểu đồ về GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
B. Cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
C. Tốc độ tăng trưởng GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
D. Quy mô GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
- Câu 70:** Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ là
- A. đảm bảo nguyên liệu, mở rộng thị trường tiêu thụ.
B. đổi mới cơ sở vật chất kĩ thuật, hội nhập quốc tế.
C. đảm bảo cơ sở năng lượng, thu hút nhiều đầu tư.
D. nâng cao trình độ lao động, phát triển giao thông.
- Câu 71:** Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây dược liệu chủ yếu dựa vào điều kiện nào sau đây?
- A. Đất feralit đỏ vàng chiếm diện tích rất rộng. B. Khí hậu cận nhiệt, ôn đới trên núi; giống tốt.
C. Nguồn nước mặt dồi dào phân bố nhiều nơi. D. Địa hình đa dạng; có cả núi, đồi, cao nguyên.
- Câu 72:** Giải pháp chủ yếu để các nước Đông Nam Á tích lũy vốn cho công nghiệp hóa là
- A. liên kết với nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu. B. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển hàng hóa.
C. tăng khai thác tài nguyên, mở rộng dịch vụ. D. đầu tư trang bị máy móc, đổi mới công nghệ.
- Câu 73:** Giải pháp chủ yếu phát huy thế mạnh tự nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long là
- A. đẩy mạnh trồng cây hoa màu và trồng rừng ngập mặn.
B. chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cải tạo đất và bảo vệ rừng.
C. phát triển công nghiệp chế biến và thúc đẩy xuất khẩu.
D. khai hoang, trồng cây ăn quả và phát triển kinh tế biển.

Câu 74: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. làm sâu sắc sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.
- B. tăng cường các quan hệ quốc tế, tăng vị thế của vùng.
- C. góp phần đa dạng cơ cấu kinh tế, tạo nhiều việc làm.
- D. tạo sản phẩm có giá trị, đẩy nhanh phát triển kinh tế.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ là

- A. sử dụng hợp lý tài nguyên đất, góp phần bảo vệ môi trường.
- B. giải quyết việc làm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.
- C. khai thác tốt hơn thế mạnh, tạo ra nhiều nông sản hàng hóa.
- D. chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tăng hiệu quả của đầu tư.

Câu 76: Hoạt động ngoại thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. đa dạng hóa thị trường và tăng cường sự quản lý của Nhà nước.
- B. tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.
- C. khai thác tài nguyên hiệu quả, tăng nhanh chất lượng sản phẩm.
- D. nhu cầu tiêu dùng của dân cư và nguồn vốn đầu tư tăng nhanh.

Câu 77: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CHÈ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	129,9	132,6	133,6	129,3
Sản lượng (nghìn tấn)	834,6	981,9	1012,9	1040,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng chè của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn.
- B. Kết hợp.
- C. Đường.
- D. Miền.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. phát huy thế mạnh và đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.
- B. hình thành ngành trọng điểm và ngành dịch vụ mới.
- C. tạo thêm nhiều mặt hàng và giải quyết được việc làm.
- D. góp phần hiện đại hóa sản xuất và bảo vệ môi trường.

Câu 79: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành vùng chuyên canh.
- B. đào tạo và hỗ trợ việc làm, phân bố lại dân cư và lao động.
- C. tập trung đầu tư, phát triển chế biến, mở rộng thị trường.
- D. hoàn thiện và đồng bộ cơ sở vật chất kỹ thuật, giao thông.

Câu 80: Giải pháp chủ yếu để khai thác có hiệu quả nền nông nghiệp nhiệt đới nước ta là

- A. phân bố cây, con phù hợp; phát triển nông sản xuất khẩu.
- B. áp dụng nhiều hệ thống canh tác, phòng chống thiên tai.
- C. tăng cường thâm canh, áp dụng rộng rãi tiến bộ kỹ thuật.
- D. mở rộng trao đổi sản phẩm, chú trọng công tác bảo quản.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 302

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Lạng Sơn. B. Bắc Giang. C. Tuyên Quang. D. Thái Nguyên.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Lạt có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng VIII. B. Tháng XI. C. Tháng X. D. Tháng IX.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Cà Mau. B. Tây Ninh. C. Cần Thơ. D. Biên Hòa.

Câu 44: Nước ta có vị trí ở

- A. bán cầu Nam. B. vùng xích đạo. C. bán cầu Tây. D. vùng nhiệt đới.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Cả?

- A. Sông Hiếu. B. Sông Đà. C. Sông Cầu. D. Sông Thương.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 5 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?

- A. Nam Định. B. Hòa Bình. C. Hải Phòng. D. Ninh Bình.

Câu 47: Biện pháp sử dụng có hiệu quả đất trồng ở đồng bằng nước ta là

- A. đào hồ vẫy cá. B. làm ruộng bậc thang.
C. đẩy mạnh thâm canh. D. trồng cây theo băng.

Câu 48: Chống hạn hán ở nước ta phải luôn kết hợp với chống

- A. lở đất. B. trượt đất. C. xói mòn. D. cháy rừng.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện Sông Hinh thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quảng Nam. B. Quảng Ngãi. C. Phú Yên. D. Bình Định.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Hà Tĩnh. B. Nghệ An. C. Thanh Hóa. D. Quảng Trị.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có ngành đóng tàu?

- A. Biên Hòa. B. Vũng Tàu. C. Mỹ Tho. D. Tân An.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Dung Quất. B. Định An. C. Nhơn Hội. D. Vân Phong.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cảng biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Nghệ An. B. Hà Tĩnh. C. Quảng Bình. D. Quảng Trị.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Phanxipăng. B. Phu Luông. C. Pu Trà. D. Tây Côn Lĩnh.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây đúng về nguồn lao động nước ta hiện nay?

- A. Phân bố đồng đều. B. Cần cù, sáng tạo. C. Trình độ rất cao. D. Số lượng cố định.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi bò ở nước ta hiện nay?

- A. Chuồng trại đã được đầu tư. B. Lao động nhiều kinh nghiệm.
C. Nguồn thức ăn ngày càng tốt. D. Sản phẩm chủ yếu xuất khẩu.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân cư nước ta hiện nay?

- A. Phân bố rất hợp lí giữa các vùng. B. Tập trung đông ở các đồng bằng.
C. Phân bố thưa thớt ở các vùng núi. D. Dân nông thôn nhiều hơn đô thị.

Câu 58: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	Thái Lan	Cam-pu-chia	Phi-lip-pin	Ma-lai-xi-a
Diện tích (nghìn km ²)	513,1	181,0	300,0	330,8
Dân số (triệu người)	66,1	15,9	105,0	31,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a. B. Phi-lip-pin cao hơn Cam-pu-chia.
C. Thái Lan cao hơn Phi-lip-pin. D. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về du lịch biển đảo ở nước ta hiện nay?

- A. Số du khách ngày càng đông. B. Doanh thu ngày càng tăng.
C. Có nhiều trung tâm nổi tiếng. D. Phân bố đều khắp cả nước.

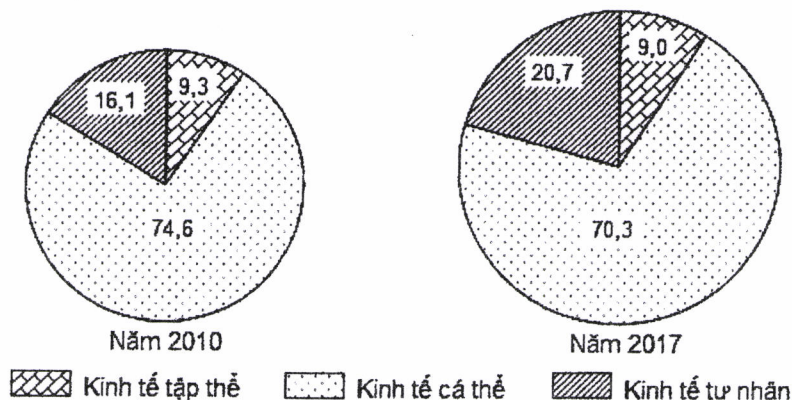
Câu 60: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Tây Bắc nước ta?

- A. Có các cao nguyên badan xếp tầng. B. Ở phía đông thung lũng sông Hồng.
C. Địa hình núi thấp chiếm phần lớn. D. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Tổng lượng mưa năm rất nhỏ. B. Có một mùa đông lạnh kéo dài.
C. Nhiệt độ trung bình năm thấp. D. Khí hậu nóng ẩm có phân hóa.

Câu 62: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU GDP THÀNH PHẦN KINH TẾ NGOÀI NHÀ NƯỚC CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu GDP thành phần kinh tế ngoài Nhà nước của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Kinh tế tư nhân tăng, kinh tế tập thể giảm. B. Kinh tế cá thể tăng, kinh tế tư nhân giảm.
C. Kinh tế tập thể tăng, kinh tế cá thể giảm. D. Kinh tế tập thể giảm, kinh tế tư nhân giảm.

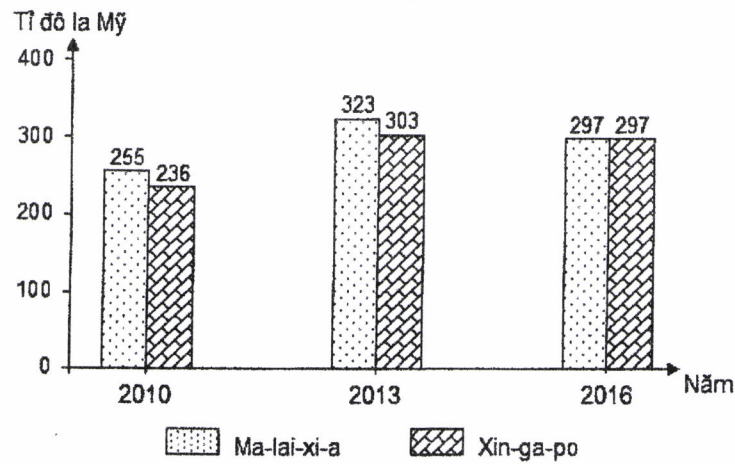
Câu 63: Phát biểu nào sau đây đúng về giao thông đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Chưa hội nhập vào khu vực. B. Chủ yếu phục vụ xuất khẩu.
C. Khối lượng vận chuyển lớn. D. Mạng lưới vẫn còn thưa thớt.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung của nước ta?

- A. Được hình thành từ lâu đời. B. Hội tụ được các thế mạnh.
C. Ranh giới có sự điều chỉnh. D. Cơ cấu ngành có thay đổi.

Câu 65: Cho biểu đồ về GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- B. Cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- C. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- D. Quy mô GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.

Câu 66: Gió mùa Đông Bắc làm cho khí hậu Bắc Bộ nước ta có

- A. nhiệt độ đồng nhất khắp nơi.
- B. nhiều thiên tai lũ quét, lở đất.
- C. một mùa đông lạnh và ít mưa.
- D. thời tiết lạnh ẩm, mưa nhiều.

Câu 67: Ý nghĩa chủ yếu của các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu ngành.
- B. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế.
- C. tạo việc làm, thay đổi bộ mặt vùng ven biển.
- D. tăng vận chuyển, tiền đề tạo khu công nghiệp.

Câu 68: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. sử dụng hợp lý tài nguyên, tạo sản phẩm hàng hóa.
- B. nâng cao trình độ của lao động, bảo vệ môi trường.
- C. tạo ra mô hình sản xuất mới, giải quyết việc làm.
- D. hạn chế nạn du canh, góp phần phân bố lại dân cư.

Câu 69: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là

- A. tăng cường hội nhập vào nền kinh tế của khu vực.
- B. thúc đẩy nhanh sự tăng trưởng của nền kinh tế.
- C. khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- D. sử dụng hợp lý nguồn lao động dồi dào trong nước.

Câu 70: Vùng nông nghiệp Đông Nam Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây cao su dựa trên thuận lợi chủ yếu là

- A. có ít thiên tai bão, lụt và không có mùa đông lạnh.
- B. nguồn nước dồi dào, có nhiều giống cây thích hợp.
- C. nhiều đất badan và đất xám, khí hậu cận xích đạo.
- D. địa hình bán bình nguyên, nhiệt độ cao quanh năm.

Câu 71: Một số nước Đông Nam Á có sản phẩm công nghiệp cạnh tranh được trên thị trường thế giới chủ yếu nhờ

- A. hoàn thiện hạ tầng và tăng cường đầu tư.
- B. mở rộng thị trường và sản xuất hàng hóa.
- C. liên kết với nước ngoài và hiện đại hóa.
- D. đổi mới sản xuất và chất lượng lao động.

Câu 72: Biện pháp chủ yếu để phát triển bền vững công nghiệp nước ta là

- A. đầu tư công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm.
- B. phát triển giao thông vận tải, thông tin.
- C. đào tạo nhân lực, đảm bảo nguyên liệu.
- D. nâng cao chất lượng, hạ thấp giá thành.

Câu 73: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG HỒ TIÊU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	51,3	85,6	101,6	152,0
Sản lượng (nghìn tấn)	105,4	151,6	176,8	241,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng hồ tiêu của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Đường. C. Tròn. D. Kết hợp.

Câu 74: Giải pháp chủ yếu để phát huy thế mạnh của nông nghiệp nhiệt đới nước ta là

- A. phát triển nông sản xuất khẩu, thay đổi cơ cấu mùa vụ.
B. sử dụng các giống cây ngắn ngày, đẩy mạnh thâm canh.
C. đa dạng tổ chức sản xuất, áp dụng khoa học công nghệ.
D. chú trọng bảo quản nông sản, chuyên môn hóa sản xuất.

Câu 75: Giải pháp chủ yếu ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. phân bố lại dân cư và sử dụng hiệu quả nguồn lao động.
B. sử dụng hợp lý tài nguyên và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.
C. bố trí các khu dân cư hợp lý và xây dựng các hệ thống đê.
D. khai thác tổng hợp tài nguyên biển và bảo vệ môi trường.

Câu 76: Thị trường xuất khẩu của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu do

- A. nhiều thành phần tham gia, hàng hóa dồi dào. B. tăng cường đầu tư, đổi mới công tác quản lý.
C. sản xuất phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng. D. giao thông phát triển, liên kết nhiều quốc gia.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu ngành, tạo các việc làm.
B. phát huy thế mạnh, giải quyết tốt nhiều vấn đề xã hội.
C. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao vị thế của vùng.
D. thu hút lao động kỹ thuật cao, mở rộng quan hệ quốc tế.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác tốt thế mạnh tự nhiên.
B. giải quyết tốt vấn đề việc làm, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.
C. tạo ra hàng xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành.
D. giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, đa dạng sản phẩm.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tạo tập quán và mô hình sản xuất mới cho lao động tại chỗ.
B. tạo thêm nhiều việc làm, thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn.
C. sử dụng hợp lý tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
D. khai thác các thế mạnh và tăng cường sự phân hóa lãnh thổ.

Câu 80: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ của lao động.
B. tăng cường vốn đầu tư, phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật.
C. phát triển năng lượng, tăng cường khai thác khoáng sản.
D. đảm bảo nguồn nguyên liệu tại chỗ, mở rộng thị trường.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 303

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Gia Lai. B. Lâm Đồng. C. Đắk Lắk. D. Phú Yên.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Kiều Liêu Ti. B. Phu Pha Phong. C. Phu Luông. D. Pha Luông.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Tĩnh. B. Quảng Trị. C. Nghệ An. D. Quảng Bình.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Hải Phòng. B. Hà Nội. C. Sơn La. D. Hạ Long.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Hồng?

- A. Sông Đà. B. Sông Cà. C. Sông Chu. D. Sông Mã.

Câu 46: Biện pháp cải tạo đất nông nghiệp ở nước ta là

- A. dùng thuốc diệt cỏ. B. bón phân thích hợp. C. đào hố vẩy cá. D. tiến hành tăng vụ.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Cam Ranh thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Phú Yên. B. Quảng Nam. C. Bình Định. D. Khánh Hòa.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Nha Trang có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng XII. B. Tháng IX. C. Tháng X. D. Tháng XI.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Nghi Sơn. B. Hòn La. C. Vũng Áng. D. Vân Đồn.

Câu 50: Vùng biển nước ta tiếp giáp với đất liền là

- A. vùng tiếp giáp lãnh hải. B. vùng đặc quyền về kinh tế.
C. nội thủy. D. lãnh hải.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Tuyên Quang. B. Hà Giang. C. Thái Nguyên. D. Bắc Kạn.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết Di tích Mỹ Sơn thuộc tỉnh (hoặc thành phố) nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Quảng Nam. B. Bình Định. C. Đà Nẵng. D. Quảng Ngãi.

Câu 53: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng núi nước ta?

- A. Lụt úng. B. Ngập mặn. C. Cát bay. D. Lũ quét.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 9 nối Đông Hà với nơi nào sau đây?

- A. Đồng Hới. B. Lao Bảo. C. Huế. D. Cha Lo.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của nước ta?

- A. Có cơ sở vật chất kĩ thuật tốt, đồng bộ. B. Được hình thành, phát triển từ lâu đời.
C. Nền kinh tế hàng hóa phát triển từ sớm. D. Nguồn lao động dồi dào, trình độ cao.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Là ngành còn rất non trẻ. B. Phương tiện ngày càng tốt.
C. Mạng lưới phát triển rộng. D. Khối lượng vận chuyển lớn.

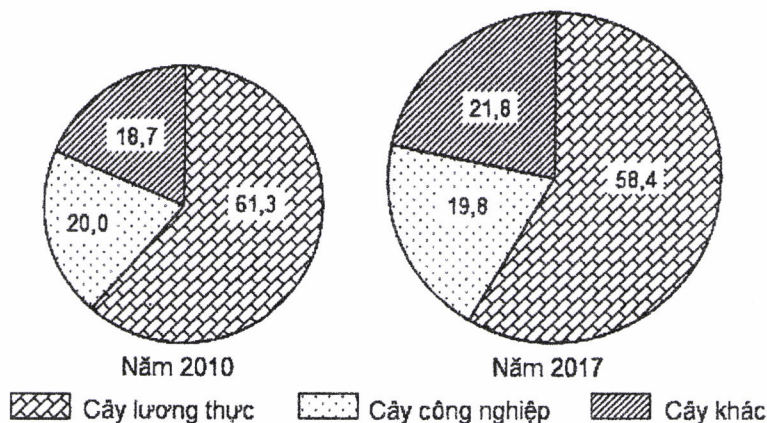
Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Đông Bắc nước ta?

- A. Có nhiều dãy núi cao đồ sộ. B. Thấp dần về phía đông bắc.
C. Hướng núi chính vòng cung. D. Có nhiều cao nguyên badan.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ngành trồng trọt nước ta hiện nay?

- A. Sản phẩm đã được xuất khẩu. B. Cơ cấu cây trồng có thay đổi.
C. Có trình độ lao động rất cao. D. Ứng dụng các tiến bộ kĩ thuật.

Câu 59: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích các loại cây trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Cây công nghiệp tăng, cây khác tăng. B. Cây lương thực giảm, cây khác tăng.
C. Cây lương thực tăng, cây công nghiệp giảm. D. Cây công nghiệp tăng, cây lương thực tăng.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân thành thị nước ta hiện nay?

- A. Tỉ lệ thấp hơn dân nông thôn. B. Số lượng tăng qua các năm.
C. Phân bố đều giữa các vùng. D. Quy mô nhỏ hơn nông thôn.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Chỉ hoạt động được vào mùa hạ. B. Phát triển mạnh nhất ở Bắc Bộ.
C. Chỉ thu hút được khách nội địa. D. Loại hình sản phẩm rất đa dạng.

Câu 62: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	300,0	676,6	513,1
Dân số (triệu người)	264,0	105,0	53,4	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin. B. Phi-lip-pin cao hơn Mi-an-ma.
C. Mi-an-ma cao hơn Thái Lan. D. Thái Lan cao hơn In-đô-nê-xi-a.

Câu 63: Lao động nước ta **không** có thế mạnh nào sau đây?

- A. Có tính kỉ luật rất cao. B. Lực lượng trẻ dồi dào.
C. Số lượng đông và tăng. D. Cần cù và sáng tạo.

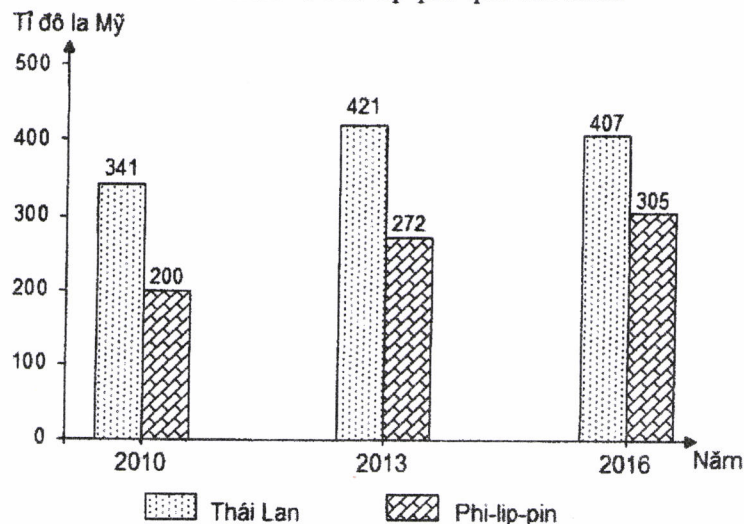
Câu 64: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Ít đồi núi, núi lửa; nhiều đồng bằng. B. Tập trung các hệ thống sông rất lớn.
C. Đất chủ yếu là phù sa các sông lớn. D. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, xích đạo.

Câu 65: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa khô ở Tây Nguyên là

- A. gió phơn Tây Nam. B. Tín phong bán cầu Bắc.
C. gió mùa Đông Bắc. D. gió mùa Tây Nam.

Câu 66: Cho biểu đồ về GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
B. Tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
C. Quy mô GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.
D. Cơ cấu GDP của Thái Lan và Phi-lip-pin qua các năm.

Câu 67: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các nước Đông Nam Á là

- A. đa dạng sản phẩm, tạo nhiều hàng hóa xuất khẩu.
B. phát huy tiềm năng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
C. giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường.
D. tạo nhiều việc làm, sử dụng hợp lí các tài nguyên.

Câu 68: Nhân tố chủ yếu tác động đến chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay là

- A. thị trường tiêu thụ rộng, có nhu cầu lớn. B. tài nguyên thiên nhiên dồi dào, đa dạng.
C. quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. D. nguồn lao động đông đảo, trình độ cao.

Câu 69: Biện pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. đẩy mạnh chế biến, phát triển xuất khẩu. B. hiện đại ngư cụ, đầu tư đánh bắt xa bờ.
C. mở rộng dịch vụ, xây dựng các cảng cá. D. áp dụng kĩ thuật mới, bảo vệ môi trường.

Câu 70: Vùng nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng trồng được rau ôn đới chủ yếu do có

- A. hai mùa mưa, khô tiếp nối nhau. B. các loại đất với đặc tính phù hợp.
C. nguồn nước dồi dào, nhiệt ẩm đủ. D. đất đai màu mỡ, mùa đông lạnh.

Câu 71: Biện pháp chủ yếu để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp nước ta là

- A. thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia. B. xây dựng cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.
C. đầu tư theo chiều sâu, đổi mới công nghệ. D. đảm bảo nguyên liệu, chú trọng xuất khẩu.

Câu 72: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. khai thác sự đa dạng tự nhiên, bảo vệ môi trường.
B. đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế.
C. nâng cao trình độ lao động, tạo ra tập quán mới.
D. góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra việc làm.

Câu 73: Giải pháp chủ yếu trong nông nghiệp để ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. phát triển công tác thủy lợi, chú trọng cải tạo đất.
B. tích cực thâm canh, chủ động sống chung với lũ.
C. chuyển đổi cơ cấu sản xuất, bố trí mùa vụ hợp lí.
D. phát triển trang trại, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.

Câu 74: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	554,8	641,2	643,3	664,6
Sản lượng (nghìn tấn)	1100,5	1408,4	1453,0	1529,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cà phê của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Miền. C. Kết hợp. D. Tròn.

Câu 75: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

- A. tập trung vốn đầu tư, phát triển khoa học công nghệ.
B. nâng cao trình độ lao động, hoàn thiện cơ sở hạ tầng.
C. đẩy mạnh khai thác khoáng sản, đảm bảo năng lượng.
D. hiện đại cơ sở vật chất kĩ thuật, mở rộng thị trường.

Câu 76: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tận dụng tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
B. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, lãnh thổ.
C. khai thác thế mạnh của vùng núi, tạo nhiều việc làm.
D. đa dạng hóa các sản phẩm, nâng cao vị thế của vùng.

Câu 77: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh xuất khẩu ở nước ta là

- A. thúc đẩy công nghiệp chế biến, đa dạng sản phẩm.
B. tăng đầu tư, thu hút nhiều ngành sản xuất tham gia.
C. phát triển sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường.
D. đổi mới quản lí, tăng cường liên kết với các nước.

Câu 78: Việc phát triển nông nghiệp hàng hóa ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu nhằm

- A. đẩy mạnh sản xuất chuyên môn hóa, tạo ra việc làm.
B. tăng chất lượng sản phẩm, tạo mô hình sản xuất mới.
C. thúc đẩy phân hóa lãnh thổ, khai thác hợp lí tự nhiên.
D. đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo ra nhiều lợi nhuận.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở Bắc Trung Bộ là

- A. hạn chế suy giảm nguồn lợi, tạo ra nguyên liệu chế biến.
B. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải tạo môi trường.
C. tạo nhiều hàng hóa, thay đổi kinh tế nông thôn ven biển.
D. phát huy các lợi thế tự nhiên, giải quyết thêm việc làm.

Câu 80: Mục đích chủ yếu của việc thay đổi cơ cấu mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là

- A. đa dạng hóa sản phẩm, tạo ra việc làm cho người lao động.
B. phù hợp hơn với điều kiện sinh thái, tăng hiệu quả kinh tế.
C. tăng năng suất cây trồng, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu.
D. phân bố sản xuất hợp lí ở mỗi vùng, bảo vệ môi trường.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.